TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/DS-PT
Ngày: 10 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp chia tài sản chung
và chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "*Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2024/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1938; trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1993; trú tại: Tổ C, Khu phố E, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo giấy ủy quyền chứng thực ngày 09/4/2024 của UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1966; trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Kế S, sinh năm 1974. (có mặt)

2. Anh Nguyễn Huỳnh Kế D, sinh năm 1992. (có đơn vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, Bình Định.

3. Chị Nguyễn Thị S1, sinh năm 2002; Cư trú: Thôn C, xã C, huyện P, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị S1: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1966; trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023 (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Huỳnh Thị Thế l bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Vào năm 1994 bà Đỗ Thị M được Nhà nước cấp cho 09 thửa đất trong đó 07 thửa đất nông nghiệp, 01 thửa đất ở và 01 thửa đất vườn. Thửa đất vườn và đất ở có nguồn gốc của ông bà của bà Đỗ Thị M để lại, nay thửa đất ở và đất vườn bà M đã tách ra thành 03 thửa: Thửa 117, diện tích 171m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, còn lại đất trồng cây hàng năm khác); thửa 118, diện tích 540m^2 (trong đó có 150m^2 đất ở, còn lại đất trồng cây hàng năm khác); thửa 119, diện tích 492.6m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở, còn lại đất trồng cây hàng năm khác). Các thửa đất trên đều thuộc tờ bản đồ 42, tọa lại tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Trên thửa đất 118, tờ bản đồ 42 có 01 ngôi nhà của bà Đỗ Thị M và 01 ngôi nhà của bà Huỳnh Thị T, tại thời điểm Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho hộ của bà Đỗ Thị M gồm 07 nhân khẩu: Bà Đỗ Thị M; cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1916 (chết năm 1995, cụ Nguyễn Thị N có chồng là cụ Đỗ Trọng c khi bà M mới 10 tuổi, cụ N và cụ T1 có một người con duy nhất là bà Đỗ Thị M); ông Nguyễn Kế T2 (là con của bà M và là chồng bà T, chết năm 2017); ông Nguyễn Kế S; bà Huỳnh Thị T; anh Nguyễn Huỳnh Kế N1 (con của ông Nguyễn Kế T2 và bà Huỳnh Thị T, anh N1 chết năm 2000, khi chết chưa có vợ con) và anh Nguyễn Huỳnh Kế D.

Nay bà M yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong hộ và chia thừa kế phần của mẹ bà là cụ Nguyễn Thị N là thửa đất vườn (nay là thửa đất trồng cây hàng năm khác), tổng diện tích 903,9m^2 cho 07 nhân khẩu được cấp đất, phần bà M được nhận thì bà cho hết cho con trai bà là ông Nguyễn Kế S trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật, do không tách thửa nhỏ ra được nên phần bà nhận nhiều hơn thì ông Nguyễn Kế S có nghĩa vụ thối lại, nếu phần bà M nhận ít hơn, bà M không yêu cầu bà T hoặc con bà T thối lại cho bà. Các thửa đất nông nghiệp bà Đỗ Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí đo đạc định giá, bà đã nộp tạm ứng, nay bà tự nguyện chịu không yêu cầu các người khác cùng chịu và bà M yêu cầu giao thửa đất số 117 cho Nguyễn Kế S, giao thửa đất 119 cho Huỳnh Thị T hay Nguyễn Huỳnh Kế D.

Ngoài ra, anh Nguyễn Huỳnh Kế D yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Kế T2 là con trai bà, bà M (cha của Nguyễn Kế T2 là ông Nguyễn Kế S2 (chồng bà) chết năm 1970), bà M từ chối không nhận thừa kế của ông Nguyễn Kế T2.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Về quan hệ gia đình, năm chết của cụ N, chồng và con, bà Huỳnh Thị T thống nhất như lời trình bày của bà Đỗ Thị M. Nay bà Đỗ Thị M yêu cầu chia tài sản chung trong hộ, bà thống nhất chia đất ở và đất vườn cho 07 thành viên trong hộ, còn lại các thửa đất nông nghiệp các bên đã giải quyết xong không yêu cầu Tòa án giải quyết và bà xin nhận đất ở và đất vườn kề bên các con bà. Nhưng hiện nay ngôi nhà của bà cất nằm sau lưng nhà bà Đỗ Thị M, nếu phần đất ở hai ngôi nhà trên giao cho bà thì bà thối lại giá trị nhà của bà M, nếu đất đó giao cho bà M thì bà M giao lại tiền cho bà T và bà T thống nhất nhà và các cây như bà M khai và thống nhất biên bản định giá.

Ngoài ra, con bà là Nguyễn Huỳnh Kế D yêu cầu chia di sản của chồng bà là Nguyễn Kế T2, bà T thống nhất, vì ông Nguyễn Kế T2 chết không để lại di chúc, phần tài sản của Nguyễn Kế T2 là đất và ngôi nhà nằm sau lưng nhà bà Đỗ Thị M và các tài sản khác như bà Đỗ Thị M khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Huỳnh Kế D trình bày: Về quan hệ gia đình, năm chết cũng như tài sản chung trong hộ là đúng và anh thống nhất chia tài sản chung trong hộ là đất ở và đất vườn cho 07 thành viên trong hộ, riêng đất nông nghiệp anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng hiện nay ngôi nhà cha, mẹ anh cất nằm sau lưng nhà bà nội là bà Đỗ Thị M, nếu phần đất ở hai ngôi nhà trên giao cho mẹ anh thì mẹ anh thối lại giá trị nhà cho bà M, nếu đất đó giao cho bà M thì bà M giao lại tiền cho gia đình anh.

Anh Nguyễn Huỳnh Kế D yêu cầu chia di sản thừa kế phần của cha anh là Nguyễn Kế T2 (ông Nguyễn Kế T2 có vợ là Huỳnh Thị T). Ông T2 và bà T có 03 con chung tên: Nguyễn Huỳnh Kế D, Nguyễn Huỳnh Kế N1 (chết năm 2000 chưa có vợ con), Nguyễn Thị S1. Cha của Nguyễn Kế T2 chết, mẹ của Nguyễn Kế T2 là bà Đỗ Thị M. Anh yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, phần anh được nhận xin nhận bằng hiện vật.

2. Ông Nguyễn Kế S trình bày: Về quan hệ gia đình, năm chết giống như mẹ ông bà Đỗ Thị M, bà Huỳnh Thị T, anh Nguyễn Huỳnh Kế D khai. Nay mẹ ông bà Đỗ Thị M yêu cầu chia tài sản chung trong hộ và chia di sản của bà ngoại ông là Nguyễn Thị N, ông thống nhất vì trong hộ đó có ông và ông xin nhận phần của mẹ ông bà Đỗ Thị M cho ông và chia di sản của bà ngoại ông là Nguyễn Thị N như bà Đỗ Thị M khai.

3. Chị Nguyễn Thị S1 trình bày: Chị S1 yêu cầu phần thừa kế của cha chị ông Nguyễn Kế T2, chị xin nhận cùng với thửa đất giao cho mẹ chị là bà Huỳnh Thị T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia quyền sử dụng đất trong hộ và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật.

2. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản và quyền sử dụng

đất trong hộ của bà Đỗ Thị M cho ông Nguyễn Kế S.

3. Giao 02 ngôi nhà cất trên thửa đất số 118, tờ bản đồ số 42 và vật kiến trúc trên đất cho ông Nguyễn Kế S trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Giao thửa đất số 117, tờ bản đồ số 42 và vật kiến trúc trên đất cho ông Nguyễn Kế S trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5. Giao thửa đất số 119, tờ bản đồ số 42, 01 nhà kho và vật kiến trúc (các cây và giếng nước) trên cho bà Huỳnh Thị T trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

6. Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ thối lại anh Nguyễn Huỳnh Kế D 131.272.000 đồng; Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ thối lại chị Nguyễn Thị S1 53.812.000 đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/7/2023 bà Huỳnh Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của bà M, ông S và bà T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, với nội dung: Ngoài những nội dung theo quyết định của bản án sơ thẩm, ông S còn hỗ trợ cho bà T 100.000.000 đồng (trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm) với mục đích giúp bà T ổn định chỗ ở mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Ngoài ra, bà T có đơn xin miễn án phí, với lý do hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được xét giảm ½ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Thống nhất những nội dung theo quyết định của bản án sơ thẩm và ông S tự nguyện hỗ trợ cho bà T 100.000.000đ (trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm) với mục đích giúp bà T ổn định chỗ ở mới, cụ thể các nội dung thỏa thuận như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia quyền sử dụng đất trong hộ và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật.

2. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế và quyền sử dụng đất trong hộ của bà Đỗ Thị M cho ông Nguyễn Kế S.

3. Giao thửa đất số 117, tờ bản đồ số 42, diện tích 171m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở; 121m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và vật kiến trúc trên đất tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Kế S trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08011 ngày 07/02/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Đỗ Thị M. (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Giao thửa đất số 118, tờ bản đồ số 42, diện tích 540,3m^2 (trong đó có 150m^2 đất ở; 390,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và 02 ngôi nhà, vật kiến trúc trên đất tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Kế S trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08012 ngày 07/02/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Đỗ Thị M (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5. Giao thửa đất số 119, tờ bản đồ số 42, diện tích 492,6m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở; 392,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác), 01 nhà kho và vật kiến trúc (các cây và giếng nước) trên đất tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho bà Huỳnh Thị T trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08013 ngày 07/02/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Đỗ Thị M (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

6. Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ thối lại anh Nguyễn Huỳnh Kế D 131.272.000 đồng (một trăm ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn và thối lại chị Nguyễn Thị S1 53.812.000 đồng (năm mươi ba triệu tám trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

7. Ông Nguyễn Kế S phải trả cho bà Huỳnh Thị T 100.000.000đ (Thời gian trả: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm).

8. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tại cấp sơ thẩm: 10.000.000đ bà M tự nguyện chịu, đã nộp xong. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tại cấp phúc thẩm 14.000.000đ ông Nguyễn Kế S và bà Huỳnh Thị T mỗi người phải chịu ½ là 7.000.000đ. bà T đã nộp đủ nên ông S hoàn lại cho bà T 7.000.000đ.

[2] Do các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như tại mục [1] và thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà Đỗ Thị M thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn giảm án phí nên không phải chịu án phí sơ thẩm; bà Huỳnh Thị T có đơn xin miễn án phí, với lý do hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được xét giảm ½ án phí sơ thẩm. Ông Nguyễn Kế S, bà Huỳnh Thị T,

anh Nguyễn Huỳnh Kế D, chị Nguyễn Thị S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Bà Huỳnh Thị T không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và xét giảm ½ án phí sơ thẩm cho bà Thế l phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 218, 219, 459, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia quyền sử dụng đất trong hộ và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật.

2. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế và quyền sử dụng đất trong hộ của bà Đỗ Thị M cho ông Nguyễn Kế S.

3. Giao thửa đất số 117, tờ bản đồ số 42, diện tích 171m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở; 121m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và vật kiến trúc trên đất tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Kế S trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08011 ngày 07/02/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Đỗ Thị M. (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Giao thửa đất số 118, tờ bản đồ số 42, diện tích 540,3m^2 (trong đó có 150m^2 đất ở; 390,3m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và 02 ngôi nhà, vật kiến trúc trên đất tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Kế S trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08012 ngày 07/02/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Đỗ Thị M (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5. Giao thửa đất số 119, tờ bản đồ số 42, diện tích 492,6m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở; 392,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác), 01 nhà kho và vật kiến trúc (các cây và giếng nước) trên đất tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho bà Huỳnh Thị T trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08013 ngày 07/02/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Đỗ Thị M (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

6. Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ thối lại anh Nguyễn Huỳnh Kế D 131.272.000 đồng và thối lại chị Nguyễn Thị S1 53.812.000 đồng.

7. Ông Nguyễn Kế S phải trả cho bà Huỳnh Thị T 100.000.000 đồng. (Thời gian trả: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm).

8. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tại cấp sơ thẩm: 10.000.000 đồng bà M tự nguyện chịu, đã nộp xong.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tại cấp phúc thẩm 14.000.000 đồng ông Nguyễn Kế S và bà Huỳnh Thị T mỗi người phải chịu 7.000.000 đồng. bà T đã nộp đủ nên ông S hoàn lại cho bà T 7.000.000 đồng.

9. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị M không phải chịu, hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011432 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phù Cát; bà Huỳnh Thị T phải chịu 10.762.000đ nhưng được xét giảm ½ nên phải chịu 5.381.000đồng; ông Nguyễn Kế S phải chịu 3.873.000đ; chị Nguyễn Thị S1 phải chịu 2.600.000đ; anh Nguyễn Huỳnh Kế D phải chịu 6.563.000đ, khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011908 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phù Cát nên anh D còn phải nộp 6.263.000đ.

10. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Huỳnh Thị T không phải chịu. H1 lại cho bà T 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000618 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân huyện Phù Cát.

11. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

11.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

11.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù Cát;
- CCTHADS huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng